TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 412/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 17/4/2019
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa Phên tòa : Bà Phạm Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1/- Ông Nguyễn Thành Vinh

2/- Bà Nguyễn Thị Lý

- Thư ký Phên tòa: Bà Trần Nguyên Hà - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia Phên tòa*:** Bà Trần Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1225/2018/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn Phên tòa số 28/2019/QĐST - HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích T – sinh năm: 1988

Thường trú: 226/25/15 Đường M, khu phố N, phường R, quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.(có mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Đình P – sinh năm: 1982

Thường trú: 226/25/15 Đường M, khu phố N, phường R, quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tranh tụng tại Tòa bà Nguyễn Thị Bích T là nguyên đơn trình bày: Bà và ông Nguyễn Đình P tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân vào năm 2009, có tổ chức hỏi cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Xã A, huyện B, tỉnh Đồng Nai. Sau khi kết hôn cả hai sống tự lập tại phường R quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo bà cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu đến khoảng năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông P thiếu trách nhiệm với gia đình, đôi bên thường xuyên xảy ra cải vã, dẫn đến cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc, đến khoảng cuối năm 2017 ông P bỏ ra đi nơi khác sinh sống, Xét thấy tình cảm thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Bích H sinh ngày 03/5/2010 và Nguyễn Ngọc Thảo N sinh ngày 22/4/2014. Hiện tại bà T đang trực tiếp nuôi con, sau khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, việc cấp dưỡng nuôi con chung bà tự nguyện không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà T xác định ông P có hộ khẩu thường trú tại số 226/25/15 Đường M, khu phố N, phường R, quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian sống ly thân ông P không thường xuyên ở nhà nhưng thỉnh thoảng ông P có gọi điện thoại và về nhà thăm con rồi lại ra đi. Bà T xác định ông P biết việc bà có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn do bà có điện thoại, nhắn tin thông báo ngày giờ Tòa án triệu tập nhưng ông P cố tình không đến Tòa án để giải quyết.

Ông Nguyễn Đình P là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để đến Tòa giải quyết vụ kiện nhưng ông P vẫn vắng mặt không có lý do, theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông P

Tại phiên Tòa bà T xác định cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó bà vẫn giữ yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn.

Về con chung: Bà có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung và tự nguyện không yêu cầu ông P phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, về tuân theo pháp luật: Tòa án nhân dân quận Thủ Đức và thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, về thụ lý vụ án, ra

thông báo thụ lý vụ án, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại Pên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục của pháp luật quy định. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại Pên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại Pên tòa Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Bà Nguyễn Thị Bích T và ông Nguyễn Đình P tự nguyện kết hôn vào năm 2009 có hỏi cưới và có đăng ký kết hôn, theo chứng nhận kết hôn số 36, quyển số: 05 ngày 26/02/2009 do Ủy ban nhân dân Xã A, huyện B, tỉnh Đồng Nai cấp là cơ sở xác định hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Ông P có hộ khẩu thường trú tại phường R, quận Thủ Đức, đời sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, bà T là một bên đương sự, có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận Thủ Đức, theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Bích T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bà Nguyễn Thị Bích T và ông Nguyễn Đình P tự nguyện kết hôn vào năm 2009, cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính theo lời trình bày của bà T do đôi bên bất đồng quan điểm sống, ông P thiếu trách nhiệm với gia đình, từ đó dẫn đến cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc. Kể từ cuối năm 2017 cho đến nay cả hai đã sống ly thân, thời gian ly thân hai bên không có tạo điều kiện để đoàn tụ gia đình. Căn cứ vào phiếu yêu cầu xác minh do Công an phường R, quận Thủ Đức cung cấp thì ông Nguyễn Đình P sinh năm 1982, có thường trú tại địa chỉ 226/25/15 Đường M, khu phố N, phường R, quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 12/6/2014. Hiện tại đương sự thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú.

Tòa án đã thực hiện các thủ tục tống đạt giấy triệu tập cho ông P đến Tòa, để giải quyết vụ kiện theo quy định của pháp luật nhưng ông P vẫn vắng mặt không lý do, điều này chứng tỏ ông P không quan tâm đến việc yêu cầu xin ly hôn của bà T, từ đó cho thấy thực tế tình trạng hôn nhân của đôi bên đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, đời sống chung không thể kéo dài, khả năng đoàn tụ không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, xét hiện tại đôi bên đã sống ly thân, việc bà T có đơn yêu cầu được ly hôn với ông P là có căn cứ, phù hợp với Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Xét hiện nay bà T đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung chưa trưởng thành, sau khi ly hôn bà có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con chung bà tự nguyện không yêu cầu là hoàn

toàn tự nguyện không trái với quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của con chung, theo Điều 81; 82; 83; 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Căn cứ vào lời trình bày của bà T về tài sản chung và nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không xét. Ông Nguyễn Đình P có quyền khởi kiện tranh chấp tài sản sau khi ly hôn trong vụ án khác nếu có yêu cầu.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015 bà Nguyễn Thị Bích T phải nộp 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng) bà T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0022974 ngày 06/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, bà Nguyễn Thị Bích T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 điều 147; Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Khoản 1 Điều 273; Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 51; 56; 57; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014).

1-/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

a-/ Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Bích T và ông Nguyễn Đình P.

b-/ Về con chung: Giao bà Nguyễn Thị Bích T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung tên Nguyễn Thị Bích H sinh ngày 03/5/2010 và Nguyễn Ngọc Thảo N sinh ngày 22/4/2014. Việc cấp dưỡng nuôi con chung bà T tự nguyện không yêu cầu.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, vì quyền lợi mọi mặt của người con khi cần thiết có thể thay đổi người nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

c-/ Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2-/ Về án phí: Bà Nguyễn Thị Bích T phải nộp 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng) bà T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0022974 ngày 06/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, bà Nguyễn Thị Bích T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3-/ Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại Pên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014";

***Nơi nhận*:**
- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND quận Thủ Đức;
- Chi cục THA dân sự Q.Thủ Đức;
- Ủy ban nhân dân Xã A, huyện B, tỉnh Đồng Nai;
- Các bên đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Thị Thu